

**CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG BẮC KẠN - CHỢ MỚI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG BẮC KẠN - CHỢ MỚI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4700264037

**3. Ngày thành lập:** 14/09/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Nà Cà, Xã Cao Kỳ, Huyện Chợ mới, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Điện thoại: 0964 631 928

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                    | 2013        |
| 2.  | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít<br>Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít | 2022        |
| 3.  | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý                                                                                                                   | 2420        |
| 4.  | Đúc sắt, thép                                                                                                                                           | 2431        |
| 5.  | Đúc kim loại màu                                                                                                                                        | 2432        |
| 6.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu<br>Chi tiết: Trồng cây dược liệu                                                                                        | 0128        |
| 7.  | Chăn nuôi lợn                                                                                                                                           | 0145        |
| 8.  | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                       | 0146        |
| 9.  | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                                                                                             | 0210(Chính) |
| 10. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                     | 0710        |
| 11. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                         | 0810        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa                                                             | 5229        |
| 13. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                               | 5510        |
| 14. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                     | 4662        |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi                            | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn cao su; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại | 4669 |
| 17. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                | 3700 |
| 18. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                               | 3811 |
| 19. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                     | 3812 |
| 20. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                     | 3821 |
| 21. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                           | 3822 |
| 22. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                             | 3830 |
| 23. | Xây dựng nhà các loại<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng                                                                                                                                                                                                              | 4100 |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình điện dưới 500kV, công trình bưu chính viễn thông                                                                                                          | 4290 |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311 |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312 |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                                    | 4659 |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                               | 4933 |

**6. Vốn điều lệ:** 27.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRỊNH THỊ LÝ | Đội 2, Yên Vinh, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 1.377.000  | 13.770.000.000        | 51,000    | 013186368                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 1.377.000  | 13.770.000.000        | 51,000    |                                                                                             |         |

|   |                                  |                                                                        |                   |           |                |        |              |  |
|---|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|----------------|--------|--------------|--|
| 2 | HÀ DANH THẢO                     | 312 CT6, Phường Đình Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 1.080.000 | 10.800.000.000 | 40,000 | 013329166    |  |
|   |                                  |                                                                        | Tổng số           | 1.080.000 | 10.800.000.000 | 40,000 |              |  |
| 3 | NGUYỄN THỊ HY (NGUYỄN THỊ HÀ MY) | Thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 243.000   | 2.430.000.000  | 9,000  | 001184002043 |  |
|   |                                  |                                                                        | Tổng số           | 243.000   | 2.430.000.000  | 9,000  |              |  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRỊNH THỊ LÝ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/01/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013186368

Ngày cấp: 07/04/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 2, Thôn Yên Vinh, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Thanh Sơn, Thôn Đô Lương, Xã Bắc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Kạn